

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Loan Em.
2. Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Triệu Quốc N, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2021, bà Võ Thị Ngọc Đ trình bày: Bà và ông Triệu Quốc N tự nguyện chung sống và có với nhau một người con chung tên Triệu Thiên H, sinh ngày 04/01/2005. Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 24/8/2011, đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường cự cãi do khác quan điểm nên đã ly thân từ năm 2019, con chung Triệu Thiên H sống với ông N. Bà yêu cầu ly hôn với

ông N, giao con chung cho ông N nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Triệu Quốc N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đề ngày 05/11/2021, nội dung văn bản có trình bày ý kiến: Ông thống nhất nội dung trình bày của bà Đ trong đơn khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà Đ, đồng ý nuôi dưỡng con chung là Triệu Thiên H, sinh ngày 04/01/2005 và không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng đương sự đã được tổng đạt hợp lệ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đúng quy định. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông Triệu Quốc N, giao con chung là Triệu Thiên H, sinh ngày 04/01/2005 cho ông N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đối với tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đ và ông N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 24/8/2011 và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn (bút lục 13) nên xác định hôn nhân của họ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”, như vậy bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng kết quả xác minh (bút lục 38) thì hôn nhân của hai người không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Ông N thống nhất về quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông N có một người con chung là Triệu Thiên H, sinh ngày 04/01/2005, hiện cháu sống chung với bị đơn N. Bà Đ đồng ý giao con, ông N có nguyện vọng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao cháu H cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở bà Đ thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Đ phải chịu theo quy định.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Triệu Quốc N.
2. Về con chung: Giao con chung tên Triệu Thiên H, sinh ngày 04/01/2005 cho ông Triệu Quốc N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Võ Thị Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Đ thực hiện quyền này.
3. Tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001172 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Lâm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai